

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2023/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 13 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2014:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Bố trí tái định cư cho người có đất ở bị thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở

1. Về suất tái định cư tối thiểu

a) Suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được tính theo diện tích lô đất tại khu tái định cư theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt, đối với các xã, phường thuộc thành phố Bắc Kạn và thị trấn, trung tâm huyện lỵ không quá 100m²; các khu vực còn lại không quá 200m².

b) Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền thì khoản tiền cho một suất tái định cư tối thiểu như sau:

$$\text{Giá trị một suất tái định cư tối thiểu} = \frac{\text{Giá đất ở của suất tái định cư tối thiểu}}{\text{Diện tích lô đất m}^2}$$

c) Giá đất ở của suất tái định cư tối thiểu: Là giá đất cụ thể đối với lô đất có mức giá thấp nhất trong số các lô đất để bố trí tái định cư cho dự án.

2. Mức đất ở tái định cư đối với trường hợp tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi đủ điều kiện để tách từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi có nhu cầu tái định cư thì căn cứ vào quỹ đất ở và tình hình thực tế tại địa phương để giao thêm đất ở (ngoài diện tích lô tái định cư đã được nhận) theo quy định sau:

a) Hộ gia đình có 02 cặp vợ chồng cùng chung sống trên 01 thửa đất ở bị thu hồi hoặc có 02 hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi thì xem xét giao thêm 01 lô đất ở tái định cư; điều kiện để giao thêm 01 lô đất ở tái định cư phải đảm bảo tổng diện tích đất ở bị thu hồi sau khi đã trừ đi phần diện tích của suất tái định cư được bố trí tại nơi tái định cư (lô thứ nhất) thì phần diện tích còn lại tối thiểu phải $\geq 30\%$ diện tích của suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Hộ gia đình có nhiều thế hệ (cặp vợ chồng thứ 03) cùng chung sống trên 01 thửa đất ở bị thu hồi hoặc có 03 hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi thì xem xét giao thêm tối đa 02 lô đất ở tái định cư; điều kiện để giao thêm 02 lô đất ở tái định cư phải đảm bảo tổng diện tích đất ở bị thu hồi sau khi đã trừ đi phần diện tích của lô thứ 01 (lô tiêu chuẩn) và lô giao thêm (lô thứ 02), thì phần diện tích còn lại tối thiểu phải $\geq 30\%$ diện tích của suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Hộ gia đình có nhiều thế hệ (cặp vợ chồng thứ 04 trở lên) cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi hoặc có 04 hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi thì xem xét giao thêm tối đa 03 lô đất ở tái định cư, điều kiện để giao thêm 03 lô đất ở tái định cư phải đảm bảo tổng diện tích đất ở bị thu hồi sau khi đã trừ đi phần diện tích của lô thứ 01 (lô tiêu chuẩn), lô giao thêm (lô thứ 02 và thứ 03), thì phần diện tích còn lại tối thiểu phải $\geq 30\%$ diện tích của suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp dự án đầu tư nhà ở thương mại thông qua hình thức đấu thầu dự án có sử dụng đất thì cơ quan, tổ chức đề xuất dự án phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định số hộ đủ điều kiện tái định cư tại phương án tái định cư trong hồ sơ mời thầu để đảm bảo xác định quỹ đất tái định cư của dự án. Trường hợp phát sinh tăng so với quy hoạch được duyệt hoặc hồ sơ mời thầu thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đảm bảo bố trí quỹ đất tái định cư tại các khu vực đất ở phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong địa bàn cấp huyện”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP

Người bị thu hồi đất ở đủ điều kiện bồi thường về đất ở, nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà tự lo chỗ ở, không nhận đất tái định cư hoặc địa phương không có quỹ đất tái định cư và nhất trí tự lo được chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư như sau:

1. Trường hợp dự án đầu tư có khu tái định cư thì mức hỗ trợ bằng 50% giá trị suất tái định cư tối thiểu.

2. Trường hợp dự án đầu tư không có khu tái định cư thì mức hỗ trợ bằng 50% giá đất ở cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường tại thời điểm thu hồi đất nhân (x) với diện tích suất tái định cư tối thiểu tại khu vực hành chính nơi có đất thu hồi đất”.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và được xét giao đất tái định cư theo điểm a, b, khoản 1 Điều 24 Quyết định 22/2014/QĐ-UBND nhưng chưa phê duyệt phương án tái định cư thì áp dụng suất tái định cư tối thiểu theo Quy định này để phê duyệt phương án tái định cư.

2. Đối tượng giao đất trong các trường hợp đã thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và xét giao đất tái định cư theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 24 Quyết định 22/2014/QĐ-UBND nhưng chưa phê duyệt phương án tái định cư thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 24, Quyết định 22/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

3. Trường hợp đã có Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ nhưng có phát sinh tái định cư theo điểm a, b, khoản 1 Điều 24 Quyết định 22/2014/QĐ-UBND mà chưa phê duyệt phương án tái định cư hoặc hỗ trợ tái định cư thì áp dụng theo Quyết định này.

Điều 3. Bãi bỏ Điều 24 Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014; khoản 6 Điều 2 Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của bản Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 và Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2023.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị sản xuất kinh doanh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình